

Số: 243 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định hướng dẫn công nhận tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành Công Thương

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức ngành Công Thương;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định hướng dẫn công nhận tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành Công Thương kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3496/QĐ-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quy định công nhận tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành Công Thương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Công TTĐT Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, PC.



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên

QUY ĐỊNH

Hướng dẫn công nhận tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành Công Thương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 243 /QĐ-BCT ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn quy trình công nhận, công bố và tiếp cận tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành Công Thương (sau đây gọi là mạng lưới tư vấn viên pháp luật ngành Công Thương).

2. Quy định này áp dụng đối với:

- a) Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- b) Tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia mạng lưới tư vấn viên pháp luật ngành Công Thương (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân);
- c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mạng lưới tư vấn viên pháp luật ngành Công Thương

Mạng lưới tư vấn viên pháp luật ngành Công Thương là một bộ phận của mạng lưới tư vấn viên theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm tổ chức, cá nhân đủ điều kiện hành nghề tư vấn pháp luật theo quy định của pháp luật, tự nguyện thông báo tham gia và được Bộ Công Thương công bố công khai để hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành Công Thương.

Điều 3. Công nhận, công bố tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật ngành Công Thương

1. Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ thông báo tự nguyện tham gia Mạng lưới tư vấn viên pháp luật ngành Công Thương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (Nghị định số 80/2021/NĐ-CP) và gửi về Bộ Công Thương (Vụ Pháp chế) tại địa chỉ số 23 Phố Ngô Quyền, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng các mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này bao gồm:

- Mẫu 01: Hồ sơ tóm tắt năng lực của cá nhân.

- Mẫu 02: Hồ sơ tóm tắt năng lực của tổ chức.

2. Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Vụ trưởng Vụ Pháp chế ký thừa lệnh Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định công nhận tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật ngành Công Thương. Việc giao cấp phó ký thay thực hiện theo Quy chế công tác văn thư của Bộ Công Thương.

3. Sau khi được công nhận vào mạng lưới tư vấn viên pháp luật ngành Công Thương và được công bố trên Cổng thông tin điện tử ngành Công Thương, tư vấn viên truy cập vào Cổng thông tin (tại địa chỉ <https://business.gov.vn/home>) để đăng ký vào cơ sở dữ liệu mạng lưới tư vấn viên và thực hiện tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định.

Điều 4. Tiếp cận mạng lưới tư vấn viên pháp luật ngành Công Thương

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận mạng lưới tư vấn viên pháp luật ngành Công Thương trên Cổng thông tin điện tử ngành Công Thương; Trang thông tin pháp luật Công Thương; Cổng thông tin (tại địa chỉ <https://business.gov.vn/home>) để lựa chọn tư vấn viên pháp luật.

2. Việc hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật về vụ việc, vướng mắc thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và hướng dẫn của Bộ Tài chính (nếu có).

Điều 5. Thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật ngành Công Thương

1. Trường hợp thay đổi các thông tin của tổ chức, cá nhân tại quyết định công nhận tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật ngành Công Thương, tổ chức, cá nhân thông báo bằng văn bản tới Bộ Công Thương (Vụ Pháp chế) để thực hiện cập nhật, điều chỉnh theo quy định.

2. Tư vấn viên pháp luật có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện hành nghề tư vấn pháp luật và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật liên quan đến tư vấn viên pháp luật đó khi thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật.

Trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên pháp luật ngành Công Thương không còn đáp ứng điều kiện hành nghề tư vấn pháp luật theo quy định pháp luật hoặc bị thu hồi Thẻ luật sư, Thẻ tư vấn viên pháp luật, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về Bộ Công Thương (Vụ Pháp chế) để thực hiện xóa tên khỏi mạng lưới tư vấn viên pháp luật ngành Công Thương.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Pháp chế là đầu mối tiếp nhận hồ sơ thông báo tự nguyện tham gia của tổ chức, cá nhân, thực hiện việc công nhận và công bố mạng lưới tư vấn viên pháp luật ngành Công Thương theo quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Văn Phòng Bộ, các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế trong quá trình thực hiện việc công nhận, công bố công khai mạng lưới tư vấn viên pháp luật ngành Công Thương.

3. Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, Văn phòng Bộ có trách nhiệm bố trí kinh phí để thực hiện hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành Công Thương theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ và Quy định này.

4. Trường hợp các văn bản được viện dẫn; tên của đơn vị trong Quy định này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương (Vụ Pháp chế) để được hướng dẫn, giải quyết./.

HỒ SƠ TÓM TẮT NĂNG LỰC CỦA CÁ NHÂN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên (*chữ in hoa*):..... 2. Nam/Nữ:..... 3. Quốc tịch:
4. Sinh ngày:..... tháng..... năm..... 5. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....
6. Cấp ngày..... tháng..... năm..... 7. Nơi cấp:
8. Trình độ đào tạo¹:..... 9. Nghề nghiệp²:.....
10. Thẻ luật sư / Thẻ tư vấn viên pháp luật số:.....
11. Đơn vị công tác:
12. Lĩnh vực tư vấn chuyên sâu³:.....
13. Trình độ ngoại ngữ (nếu có):.....
14. Địa chỉ liên hệ:
15. Số điện thoại di động:..... 16. Địa chỉ email:

II. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

1. Quá trình đào tạo⁴

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Tên trường, cơ sở đào tạo	Ngành đào tạo	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ

2. Quá trình công tác⁵

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Đơn vị công tác	Chức vụ	Công việc phụ trách

¹ Chỉ ghi trình độ đào tạo cao nhất (cử nhân / thạc sỹ / tiến sỹ).

² Ghi nghề nghiệp tại thời điểm đăng ký (luật sư / tư vấn viên pháp luật).

³ Liệt kê các lĩnh vực tư vấn chuyên sâu.

⁴ Chỉ liệt kê các văn bằng, chứng chỉ liên quan.

⁵ Chỉ liệt kê các công việc liên quan đến hoạt động tư vấn pháp luật.

3. Thông tin về khách hàng, vụ việc tư vấn pháp luật điển hình⁶

STT	Tên khách hàng	Quốc tịch	Tên, trích yếu nội dung vụ việc

III. LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những nội dung kê khai nêu trên là trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai trên đây./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lưu ý: Người đăng ký ký nháy từng trang trong Hồ sơ tóm tắt năng lực.

⁶ Lựa chọn thông tin kê khai phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 3 Quy định này.

HỒ SƠ TÓM TẮT NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC⁷**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên tổ chức (*chữ in hoa*):.....
2. Họ và tên người đại diện theo pháp luật: 3. Chức vụ:
4. Đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số:.....
5. Cấp ngày..... tháng..... năm..... 6. Cơ quan cấp:
7. Lĩnh vực tư vấn chuyên sâu⁸:
8. Ngôn ngữ tư vấn⁹:
9. Địa chỉ trụ sở chính:
10. Điện thoại liên lạc:..... 11. Fax:..... 12. Email:

II. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM**1. Thông tin về khách hàng, vụ việc tư vấn pháp luật điển hình**

STT	Tên khách hàng	Quốc tịch	Tên, trích yếu nội dung vụ việc

2. Danh sách và năng lực của cá nhân thuộc tổ chức tham gia tư vấn¹⁰

STT	Tên luật sư / tư vấn viên pháp luật ¹¹	Chức vụ	Lĩnh vực tư vấn	Số Thẻ luật sư / Thẻ tư vấn viên pháp luật

III. LỜI CAM ĐOAN

⁷ Ghi tên tổ chức.

⁸ Liệt kê các lĩnh vực tư vấn chuyên sâu.

⁹ Ghi ngôn ngữ sử dụng trong tư vấn (tiếng Việt, tiếng Anh,...).

¹⁰ Kê khai theo nhu cầu của tổ chức và chỉ bao gồm luật sư, tư vấn viên pháp luật thuộc tổ chức.

¹¹ Ví dụ: Luật sư Nguyễn Văn A; Tư vấn viên Nguyễn Văn B;...

Chúng tôi cam kết những nội dung kê khai nêu trên là trung thực và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai trên đây./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Lưu ý: Tổ chức đóng dấu giáp lai các trang.